

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG TÂY ĐÔ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	14 - 36
8. Phụ lục	37 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800561359, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
- Điện thoại : (0292) 3.862.077
- Fax : (0292) 3.862.419

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh xi măng và các vật liệu kết dính khác;
- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu, phục vụ cho sản xuất xi măng;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ xi măng và vật liệu xây dựng;
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường và các công trình hạ tầng kỹ thuật. San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh động sản, bất động sản, địa ốc;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Ninh Gia Thịnh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Đỗ Hữu Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Mai Công Quyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Ngọc Khanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Vũ Xuân Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Tạ Hữu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Nghiêm Chí Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Bà Trương Thị Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Mai Công Toàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Dương Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 2019
Ông Tạ Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 9 năm 2022
Ông Trần Văn Thìn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020 Miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Công Toàn - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Mai Công Toàn
Chủ tịch

Ngày 06 tháng 3 năm 2023

Số: 4.0092/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh
Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1242-2023-008-1
Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Phạm Thị Tố Như
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3574-2021-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		307.939.186.623	251.191.702.773
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.476.987.876	487.654.545
1. Tiền	111	V.1	6.476.987.876	487.654.545
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.500.000.000	70.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	40.500.000.000	70.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		208.260.086.216	115.630.466.790
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	190.281.656.814	76.940.963.180
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.396.891.560	31.406.939.481
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	15.494.003.407	11.201.579.694
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.912.465.565)	(3.919.015.565)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		47.691.846.622	54.122.465.499
1. Hàng tồn kho	141	V.7	47.691.846.622	54.122.465.499
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.010.265.909	10.951.115.939
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.010.265.909	7.834.469.129
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.869.064.750
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	247.582.060
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		350.035.620.616	328.100.471.624
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		283.246.188.972	226.416.494.393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	283.246.188.972	226.416.494.393
- Nguyên giá	222		524.540.119.760	447.871.642.917
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(241.293.930.788)	(221.455.148.524)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		145.000.000	145.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(145.000.000)	(145.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.463.573.231	34.375.008.271
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2.463.573.231	34.375.008.271
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		63.659.183.600	66.849.373.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	54.544.460.000	54.544.460.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	11.304.913.000	11.304.913.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(2.190.189.400)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		666.674.813	459.595.960
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	666.674.813	459.595.960
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		657.974.807.239	579.292.174.397

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		337.528.415.914	274.079.185.351
I. Nợ ngắn hạn	310		307.838.334.314	249.996.628.601
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	115.874.669.396	29.977.206.267
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	388.468.229	272.309.920
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.342.924.220	1.613.136.466
4. Phải trả người lao động	314	V.15	5.208.018.106	5.029.266.487
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	4.952.711.847	618.804.701
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	3.745.809.939	7.892.858.761
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	168.288.937.601	195.550.895.209
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	800.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	6.236.794.976	9.042.150.790
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		29.690.081.600	24.082.556.750
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	5.440.081.600	5.032.556.750
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	24.250.000.000	19.050.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

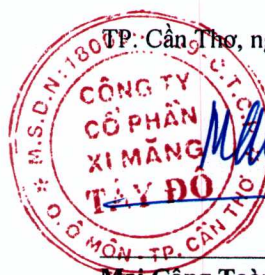
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		320.446.391.325	305.212.989.046
I. Vốn chủ sở hữu	410		320.446.391.325	305.212.989.046
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a	76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21a	100.000.000.000	100.000.000.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	144.446.391.325	129.212.989.046
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		109.472.473.224	129.212.989.046
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		34.973.918.101	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		657.974.807.239	579.292.174.397

TP. Cần Thơ, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lậpNguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toánMai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.310.226.225.042	1.206.233.928.290
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	83.452.911.099	138.509.039.795
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.226.773.313.943	1.067.724.888.495
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.128.070.817.435	1.010.194.356.190
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		98.702.496.508	57.530.532.305
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	9.770.691.236	11.574.809.290
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16.477.096.260	11.278.382.199
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.569.893.161	11.150.000.256
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	25.859.757.932	24.469.112.382
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	23.095.629.668	18.711.030.248
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.040.703.884	14.646.816.766
11. Thu nhập khác	31	VI.8	100.000.000	46.355.684
12. Chi phí khác	32	VI.9	162.540.024	60.800.705
13. Lợi nhuận khác	40		(62.540.024)	(14.445.021)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.978.163.860	14.632.371.745
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	8.004.245.759	1.391.318.820
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>34.973.918.101</u>	<u>13.241.052.925</u>

Cần Thơ, ngày 06 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập



Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán



Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.197.715.612.058	1.136.990.033.386
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.061.319.573.464)	(1.071.040.406.558)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(34.607.378.606)	(36.545.836.679)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.16, VI.5	(11.502.794.301)	(11.153.807.117)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.14	(8.229.676.561)	(3.554.545)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.065.496.951	14.222.105.646
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(39.548.366.686)	(47.235.295.873)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		51.573.319.391	(14.766.761.740)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(43.649.977.585)	(49.838.383.435)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(80.500.000.000)	(136.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		111.000.000.000	156.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.024.739.009	5.953.175.307
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.125.238.576)	(22.085.208.128)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	926.444.785.908	1.196.396.186.528
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(953.706.743.516)	(1.152.037.533.306)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21d	(15.198.000.000)	(22.797.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(42.459.957.608)</u>	<u>21.561.653.222</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.988.123.207	(15.290.316.646)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	487.654.545	15.778.564.542
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.210.124	(593.351)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>6.476.987.876</u>	<u>487.654.545</u>

Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập

Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán

TP. Cần Thơ, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	68,37%	68,37%	68,37%
Công ty Cổ phần Truyền Thông Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Cung ứng lao động tạm thời	90,5%	90,5%	90,5%
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Cung ứng dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	68,5%	68,5%	68,5%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 165 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 162 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo tỷ giá mua của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

3. Tiền

Tiền chỉ gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 13 tháng.

Chi phí phần mềm kế toán

Chi phí phần mềm kế toán phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 26
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	04

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ có thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	6.476.987.876	487.654.545
Cộng	<u>6.476.987.876</u>	<u>487.654.545</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm: đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	40.500.000.000	40.500.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 6 và 12 tháng (*)	40.500.000.000	40.500.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Dài hạn	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Trái phiếu	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	40.500.000.000	40.500.000.000	71.000.000.000	71.000.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 40.500.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại cùng các Ngân hàng này.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày ở phụ lục 01.

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 2.980.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô, tương đương 68,37% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.980.900 cổ phiếu, tương đương 68,37% vốn điều lệ).
- Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 90.500 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô, tương đương 90,5% vốn điều lệ (số đầu năm là 90.500 cổ phiếu, tương đương 90,5% vốn điều lệ).
- Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.713.100 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô, tương đương 68,52% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.713.100 cổ phiếu, tương đương 68,52% vốn điều lệ).
- Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.099.980 cổ phiếu, tương đương 12,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco với giá trị là 6.799.800.000 VND.
- Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 615.290 cổ phiếu, tương đương 1,48% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân với giá trị là 3.937.613.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	2.190.189.400	-
Số cuối năm	2.190.189.400	-

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô		
Bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	70.134.877.282	60.567.254.560
Chiết khấu thương mại	7.026.834.778	6.452.976.627
Xuất chào hàng xi măng	-	39.545.700
Mua hàng hóa và thuê vận chuyển hàng hóa	4.287.452.284	3.813.401.103
Lợi nhuận được chia	5.961.800.000	5.961.800.000
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô		
Bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	115.783.832.730	84.556.055.329
Chiết khấu thương mại	9.932.774.208	9.089.397.077
Xuất chào hàng xi măng	-	25.534.000
Thuê trung chuyển xi măng	11.611.937.417	5.770.616.814
Mua nguyên vật liệu (tro bay)	-	5.801.832.000
Lợi nhuận được chia	-	856.550.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô		
Chi phí dịch vụ bốc xếp	32.937.862.531	29.708.455.708
Lợi nhuận được chia	90.500.000	181.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	24.969.120.250	14.954.104.380
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	15.629.417.991	12.296.367.246
Phải thu các khách hàng khác	149.683.118.573	49.690.491.554
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Phúc Vinh	34.590.541.277	13.061.157.029
Cty TNHH Thương mại Dịch vụ Phát triển Đông Đông	24.116.781.931	6.348.477.063
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Cường Thành	23.910.833.309	6.095.543.401
Các khách hàng khác	67.064.962.056	24.185.314.061
Cộng	190.281.656.814	76.940.963.180

Toàn bộ nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng cuối năm có giá trị ghi sổ là 190.281.656.814 VND (số đầu năm 76.940.963.180 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	5.027.951.507	20.989.868.348
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	5.027.951.507	20.989.868.348
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	1.368.940.053	10.417.071.133
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ 689	-	2.967.066.680
Công ty TNHH Xây dựng Đầu tư và Thương mại 2A	-	3.788.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.368.940.053	3.662.004.453
Cộng	<u>6.396.891.560</u>	<u>31.406.939.481</u>

5. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	5.961.800.000	-	5.961.800.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô - Cổ tức phải thu	5.961.800.000	-	5.961.800.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.532.203.407	-	5.239.779.694	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.240.791.781	-	1.496.331.508	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	209.854.173	-	208.593.570	-
Tạm ứng	2.384.714.613	-	1.425.754.616	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.452.000.000	-	1.144.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.244.842.840	-	965.100.000	-
Cộng	<u>15.494.003.407</u>	-	<u>11.201.579.694</u>	-

6. Nợ xấu

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<i>Các tổ chức khác</i>						
Công ty TNHH MTV Hoàng Minh - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	2.998.670.798	-	Trên 3 năm	2.998.670.798	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Vận tải Phan Thành- Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	460.344.767	-	Trên 3 năm	460.344.767	-
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Thanh Trúc- Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	453.450.000	-	Trên 3 năm	460.000.000	-
Cộng		<u>3.912.465.565</u>	-		<u>3.919.015.565</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.919.015.565	3.919.015.565
Hoàn nhập dự phòng	(6.550.000)	-
Số cuối năm	<u>3.912.465.565</u>	<u>3.919.015.565</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	13.664.428.030	-
Nguyên liệu, vật liệu	44.191.255.808	-	38.657.441.350	-
Thành phẩm	1.004.868.507	-	462.539.755	-
Hàng hóa	2.495.722.307	-	1.338.056.364	-
Cộng	<u>47.691.846.622</u>	-	<u>54.122.465.499</u>	-

Một số nguyên liệu, vật liệu và thành phẩm cuối năm có giá trị ghi sổ là 27.020.251.712 VND (số đầu năm là 52.784.409.135 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cần Thơ.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thiết kế bảng hiệu	-	3.299.648.915
Chi phí phụ tùng thay thế	2.580.759.624	2.482.173.784
Chi phí bành võng chờ phân bổ	60.508.160	52.207.647
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.028.338.337	575.197.183
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	340.659.788	1.425.241.600
Cộng	<u>5.010.265.909</u>	<u>7.834.469.129</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	666.674.813	459.595.960
Cộng	<u>666.674.813</u>	<u>459.595.960</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 170.598.139.653 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang (<i>cải tạo, nâng cấp, sửa chữa</i>)					
- Silo 550 M3	2.978.378.316	-	(2.810.720.952)	(167.657.364)	-
- Silo 250 M3	2.085.526.870	30.000.000	(2.115.526.870)	-	-
- Silo 2475 M3	14.783.540.560	-	(14.783.540.560)	-	-
- Kho 48m x 72 m	4.835.151.694	29.788.363.778	(34.623.515.472)	-	-
- Nhà đóng bành 2-5	4.960.219.744	2.129.569.145	(7.089.788.889)	-	-
- Kho 20x72m	1.831.433.086	9.790.293.123	(11.565.635.300)	(56.090.909)	-
- Máy đóng bành 3	1.992.855.657	428.034.149	(2.420.889.806)	-	-
- Cổng hộp	713.184.526	122.379.182	(835.563.708)	-	-
- Kho xi	194.717.818	253.832.272	-	(448.550.090)	-
- Kho 36x72m	-	2.463.573.231	-	-	2.463.573.231
- Silo máy nghiền	-	657.951.505	(657.951.505)	-	-
Cộng	34.375.008.271	45.663.996.385	(76.903.133.062)	(672.298.363)	2.463.573.231

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	17.220.211.880	3.936.240.898
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	12.021.286.464	112.358.400
Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô	3.587.548.010	3.373.920.296
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	1.611.377.406	449.962.202
Phải trả các nhà cung cấp khác	98.654.457.516	26.040.965.369
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Hòa Phát	14.182.236.876	9.626.799.578
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thiên Phúc	73.900.130.725	-
Các nhà cung cấp khác	10.572.089.915	16.414.165.791
Cộng	115.874.669.396	29.977.206.267

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thiên Phúc	5.440.081.600	5.032.556.750
Cộng	5.440.081.600	5.032.556.750

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại - Xây dựng Mỹ Hòa	-	126.515.883
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Tân	74.742.897	47.573.396
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Hải Sơn	308.195.912	-
Các khách hàng khác	5.529.420	98.220.641
Cộng	<u>388.468.229</u>	<u>272.309.920</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	943.464.644	-	943.464.644	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.094.252.342	-	8.004.245.759	(8.229.676.561)	868.821.540	-
Thuế thu nhập cá nhân	515.410.274	-	3.948.138.306	(3.935.979.994)	527.568.586	-
Thuế tài nguyên	3.473.850	-	71.242.810	(71.647.210)	3.069.450	-
Thuế nhà đất	-	-	69.863.188	(69.863.188)	-	-
Tiền thuế đất	-	247.582.060	825.273.532	(577.691.472)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	<u>1.613.136.466</u>	<u>247.582.060</u>	<u>13.865.228.239</u>	<u>(12.887.858.425)</u>	<u>2.342.924.220</u>	<u>-</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10% cho tất cả thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp trong nước.

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.978.163.860	14.632.371.745
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.700.254.931	363.720.728
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	46.678.418.791	14.996.092.473
Thu nhập được miễn thuế	(6.657.190.000)	(8.057.271.100)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập tính thuế	40.021.228.791	6.938.821.373
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	8.004.245.759	1.387.764.275
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	3.554.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	8.004.245.759	1.391.318.820

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước mặt với mức 5.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 66.522,5 m² đất đang sử dụng tại Công ty với mức bình quân 11.278,12 VND/m²/năm theo Quyết định số 516/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ngày 24 tháng 02 năm 2010.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	5.208.018.106	5.029.266.487
Cộng	5.208.018.106	5.029.266.487

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí khuyến mãi	1.446.644.764	386.003.923
Chi phí lãi vay phải trả	217.399.638	150.300.778
Tiền thuê 5 xe nâng	-	82.500.000
Trích trước chi phí tiền điện	2.906.850.700	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	381.816.745	-
Cộng	4.952.711.847	618.804.701

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	26.961.670	29.301.590
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.516.560	1.023.336.540
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000.000	4.000.000.000
Chiết khấu tiền ký quỹ của khách hàng	2.684.794.521	2.636.182.738
Cổ tức phải trả	5.000.000	3.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	27.537.188	201.037.893
Cộng	<u>3.745.809.939</u>	<u>7.892.858.761</u>

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<u>2.000.000.000</u>	<u>800.000.000</u>
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.000.000.000	800.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>22.250.000.000</u>	<u>18.250.000.000</u>
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	22.250.000.000	18.250.000.000
Cộng	<u>24.250.000.000</u>	<u>19.050.000.000</u>

18. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	168.288.937.601	195.550.895.209
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ⁽ⁱ⁾</i>	65.884.576.263	95.944.758.996
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cần Thơ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<u>102.404.361.338</u>	<u>99.606.136.213</u>
Cộng	<u>168.288.937.601</u>	<u>195.550.895.209</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho và nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.2a, V.7 và V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động bảo lãnh, mở L/C với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho và tài sản cố định (xem thuyết minh số V.2a, V.3, V.7 và V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	195.550.895.209	151.192.241.987
Số tiền vay phát sinh	926.444.785.908	1.196.396.186.528
Số tiền vay đã trả	<u>(953.706.743.516)</u>	<u>(1.152.037.533.306)</u>
Số cuối năm	<u>168.288.937.601</u>	<u>195.550.895.209</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến quỹ dự phòng tiền lương phải trả. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	-
Tăng do trích lập	800.000.000
Số cuối năm	<u>800.000.000</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ phúc lợi	-	794.463.176	(709.364.000)	85.099.176
Quỹ an sinh xã hội	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.042.150.790	2.426.052.646	(5.316.507.636)	1.151.695.800
Cộng	9.042.150.790	3.220.515.822	(6.025.871.636)	6.236.794.976

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	76.000.000.000	100.000.000.000	150.437.246.121	326.437.246.121
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	13.241.052.925	13.241.052.925
Trích lập các quỹ	-	-	(10.081.310.000)	(10.081.310.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	(22.800.000.000)	(22.800.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	(1.584.000.000)	(1.584.000.000)
Số dư cuối năm trước	76.000.000.000	100.000.000.000	129.212.989.046	305.212.989.046
Số dư đầu năm nay	76.000.000.000	100.000.000.000	129.212.989.046	305.212.989.046
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	34.973.918.101	34.973.918.101
Trích lập các quỹ	-	-	(3.220.515.822)	(3.220.515.822)
Chia cổ tức năm nay	-	-	(15.200.000.000)	(15.200.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	(1.320.000.000)	(1.320.000.000)
Số dư cuối năm nay	76.000.000.000	100.000.000.000	144.446.391.325	320.446.391.325

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	38.803.500.000	38.803.500.000
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	36.611.500.000	36.611.500.000
Các cổ đông khác	585.000.000	585.000.000
Cộng	76.000.000.000	76.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	38.803.500.000	51,06	38.803.500.000	-
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	36.611.500.000	48,17	36.611.500.000	-
Các cổ đông khác	585.000.000	0,77	585.000.000	-
Cộng	76.000.000.000	100	76.000.000.000	-

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.600.000	7.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận các năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 15.200.000.000
• Trích quỹ phúc lợi	: 794.463.176
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, Ban điều hành	: 2.426.052.646
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 1.320.000.000

Và trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông với số tiền là 15.198.000.000 VND (năm trước là 22.797.000.000 VND).

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	825.273.532	825.273.532
Trên 01 năm đến 05 năm	-	825.273.532
Cộng	825.273.532	1.650.547.064

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng số tiền thuê 66.522,5 m² đất tại thửa đất số 38A, tờ bản đồ số 6, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ với giá thuê là 11.278,12 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 25 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 1999.

22b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.561,45	1.561,45

22c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Nợ phải thu khó đòi đã xử lý	1.157.045.000	1.157.045.000	Không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>1.157.045.000</u>	<u>1.157.045.000</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	1.307.549.870.136	1.202.286.799.478
Doanh thu bán hàng hóa	1.553.372.473	-
Doanh thu khác	1.122.982.433	3.947.128.812
Cộng	<u>1.310.226.225.042</u>	<u>1.206.233.928.290</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	83.452.911.099	120.517.126.775
Hàng bán bị trả lại	-	17.991.913.020
Cộng	<u>83.452.911.099</u>	<u>138.509.039.795</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.124.086.807.860	1.005.685.689.208
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.600.077.853	2.554.500.023
Giá vốn hàng hóa thực hiện chương trình khuyến mại	2.383.931.722	1.954.166.959
Cộng	<u>1.128.070.817.435</u>	<u>1.010.194.356.190</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.093.682.876	3.511.524.660
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	18.608.236	6.013.530
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.657.190.000	8.057.271.100
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.210.124	-
Cộng	<u>9.770.691.236</u>	<u>11.574.809.290</u>
5. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	11.569.893.161	11.150.000.256
Chiết khấu ký quỹ	2.717.013.699	2.661.004.656
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	593.351
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư	2.190.189.400	(2.533.216.064)
Cộng	<u>16.477.096.260</u>	<u>11.278.382.199</u>
6. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	4.041.263.286	3.379.797.075
Chi phí vật liệu, bao bì	15.563.218	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	15.382.484	37.427.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	264.634.366	275.013.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.107.346	-
Các chi phí khác	21.119.807.232	20.776.874.644
Cộng	<u>25.859.757.932</u>	<u>24.469.112.382</u>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	9.463.643.115	8.817.472.393
Chi phí vật liệu quản lý	1.063.080.144	1.227.267.989
Chi phí đồ dùng văn phòng	410.122.657	2.900.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.380.057.662	224.594.361
Thuế, phí và lệ phí	900.865.642	648.604.958
Chi phí dự phòng	793.450.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.773.380.294	1.644.477.579
Các chi phí khác	7.311.030.154	6.145.712.968
Cộng	<u>23.095.629.668</u>	<u>18.711.030.248</u>
8. Thu nhập khác		
Nhận hỗ trợ do dịch bệnh Covid-19 từ Công ty TNHH Giấy Lee&Man tặng	-	46.355.682
Tiền bảo hành bảng hiệu	100.000.000	-
Thu nhập khác	-	2
Cộng	<u>100.000.000</u>	<u>46.355.684</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu, vi phạm hành chính	162.470.855	60.376.386
Chi phí khác	69.169	424.319
Cộng	<u>162.540.024</u>	<u>60.800.705</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	946.526.642.797	861.948.374.534
Chi phí nhân công	40.486.242.683	33.827.970.740
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.163.438.483	18.003.507.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.689.831.931	113.360.620.557
Các chi phí khác	30.019.030.532	27.424.882.144
Cộng	<u>1.174.885.186.426</u>	<u>1.054.565.355.834</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về chia cổ tức với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc với số tiền là 26.600.000 VND (năm trước là 25.650.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Hội đồng quản trị	-	180.000.000	1.188.000.000	1.368.000.000
Ban Tổng Giám đốc	3.086.609.133	2.198.543.340	-	5.285.152.473
Ban Kiểm soát	-	27.000.000	475.200.000	502.200.000
Cộng	<u>3.086.609.133</u>	<u>2.405.543.340</u>	<u>1.663.200.000</u>	<u>7.155.352.473</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm trước				
Hội đồng quản trị	-	239.000.000	1.232.000.000	1.471.000.000
Ban Tổng Giám đốc	2.849.296.332	18.000.000	-	2.867.296.332
Ban Kiểm soát	-	45.000.000	475.200.000	520.200.000
Cộng	2.849.296.332	302.000.000	1.707.200.000	4.858.496.332

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	Công ty mẹ
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco	Công ty nhận góp vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty nhận góp vốn đầu tư

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ		
Mua vỏ bao	68.383.796.800	83.126.554.705
Chia cổ tức	7.760.700.000	11.641.050.000
		-
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam		
Chia cổ tức	7.322.300.000	10.983.450.000
		-
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco		
Cổ tức đã nhận	549.990.000	-
		-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát		
Cổ tức đã nhận	54.900.000	-
		-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân		
Cổ tức đã nhận	-	123.058.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở mục V.3, V.4, V.5, V.12a và V.17b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

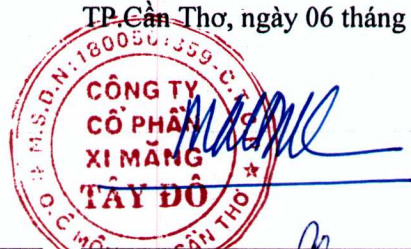
TP. Cần Thơ, ngày 06 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập



Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán



Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

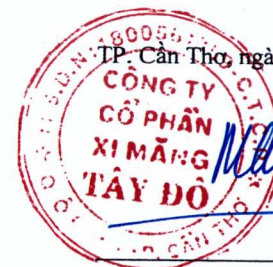
Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	303.004.591.727	119.429.764.037	21.725.774.308	2.887.609.026	823.903.819	447.871.642.917
Mua trong năm	90.000.000	-	-	-	-	90.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	76.903.133.062	-	-	-	-	76.903.133.062
Thanh lý, nhượng bán	(324.656.219)	-	-	-	-	(324.656.219)
Số cuối năm	379.673.068.570	119.429.764.037	21.725.774.308	2.887.609.026	823.903.819	524.540.119.760
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.140.508.162	47.133.862.633	6.723.346.488	2.827.073.299	823.903.819	62.648.694.401
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	121.732.968.366	86.606.092.619	9.449.728.129	2.842.455.591	823.903.819	221.455.148.524
Khấu hao trong năm	13.476.974.352	4.759.546.427	1.902.089.193	24.828.511	-	20.163.438.483
Thanh lý, nhượng bán	(324.656.219)	-	-	-	-	(324.656.219)
Số cuối năm	134.885.286.499	91.365.639.046	11.351.817.322	2.867.284.102	823.903.819	241.293.930.788
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	181.271.623.361	32.823.671.418	12.276.046.179	45.153.435	-	226.416.494.393
Số cuối năm	244.787.782.071	28.064.124.991	10.373.956.986	20.324.924	-	283.246.188.972

Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập

Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán



TP. Cần Thơ, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

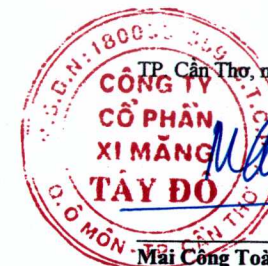
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Giá gốc	Số cuối năm Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Số đầu năm Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	54.544.460.000	-	-	54.544.460.000	-	-
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô ⁽¹⁾	37.973.160.000	-	-	37.973.160.000	-	-
Công ty Cổ phần Truyền Thông Xi măng Tây Đô ⁽¹⁾	1.262.500.000	-	-	1.262.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô ⁽¹⁾	15.308.800.000	-	-	15.308.800.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.304.913.000	(2.190.189.400)	1.747.423.600	11.304.913.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Da Tây Đô	69.500.000	-	-	69.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco ⁽¹⁾	6.799.800.000	-	-	6.799.800.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát	498.000.000	-	-	498.000.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ⁽¹⁾	3.937.613.000	(2.190.189.400)	1.747.423.600	3.937.613.000	-	-
Cộng	65.849.373.000	(2.190.189.400)	1.747.423.600	65.849.373.000	-	-


Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập

Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán

TP. Cần Thơ, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị